TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **02**/2018/DS - ST
Ngày 10/01/2018
V/v:"*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiệp.

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Bá Hóa;

2/ Ông Nguyễn Lắm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T: Ông Nguyễn Ngọc Thắng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2018, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2017/TLST-DS, ngày 19/10/2017, về việc: "*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2017/QĐXXST- DS ngày 22 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1964; Có mặt.

Trú tại: Xóm 1, thôn 4, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Bà Võ Thị Thu S, sinh năm 1979; Có mặt.

Trú tại: Xóm 2, thôn 4, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 16/10/2017, những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bà Nguyễn Thị X tại phiên tòa hôm nay trình bày:

Vào ngày 20/4/2017 (âm lịch) bà Võ Thị Thu S có vay của bà X số tiền là 120.000.000 đồng, mục đích vay là để trả nợ Ngân hàng.

Ngày 24/4/2017 (âm lịch), bà S tiếp tục vay thêm của bà 50.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng.

Đến ngày 05/6/2017 (âm lịch), bà S vay của bà thêm 100.000.000 đồng, mục đích vay là để trả vô Ngân hàng lấy sổ đỏ của một cô giáo khác.

Khi vay tiền vào 03 lần như trên, bà S đều có viết giấy mượn tiền và ký vào rồi giao cho bà giữ. Bà S hẹn đến ngày 05/7/2017 (âm lịch) sẽ trả toàn bộ số tiền đã vay nhưng chỉ nói miệng chứ không thể hiện trong giấy vay tiền. Tuy nhiên, đến ngày 15/7/2017 (âm lịch) bà đã yêu cầu bà S trả toàn bộ số tiền đã vay nhưng bà S không chịu trả theo như thỏa thuận. Do đó, tại phiên tòa hôm nay bà khẳng định bà S còn nợ bà số tiền là 270.000.000 đồng. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu bà S phải trả cho bà số tiền còn nợ là 270.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 20/4/2017 (âm lịch) cho đến ngày hôm nay theo mức lãi suất là 0,1%/tháng.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Võ Thị Thu S trình bày:

Vào ngày 20/4/2017 (âm lịch) bà S có vay của bà Nguyễn Thị X số tiền là 110.000.000 đồng nhưng vay theo hình thức trả góp trong vòng 02 tháng là 120.000.000 đồng, bà X yêu cầu bà ghi giấy mượn nợ là 120.000.000 đồng và cuối trang có ghi từ "góp nhẹ". Số tiền này bà góp đến ngày 20/6/2017 là kết thúc. Do đó, đối với số tiền này bà đã trả đủ cho bà X.

Ngày 24/4/2017 (âm lịch), bà tiếp tục vay thêm của bà X 50.000.000 đồng và 02 ngày sau bà đã trả đủ số tiền này cho bà X và kèm theo tiền lãi là 300.000 đồng.

Đến ngày 5/6/2017 (âm lịch), bà vay của bà X thêm 100.000.000 đồng. 02 ngày sau bà cũng đã trả đủ cho bà X số tiền này kèm theo tiền lãi là 600.000 đồng. Sau mỗi lần trả tiền vay bà đều yêu cầu bà X hủy giấy mượn nợ và sau đó tiếp tục vay tiền của bà X. Những lần vay tiền sau này, bà đều nhắc bà X cho xem giấy mượn nợ hôm trước đã gạch bỏ chưa thì bà X nói đã đốt rồi và đưa sổ cho bà kiểm tra thì bà thấy đúng là không còn nên bà tin tưởng bà X. Hiện nay, bà X yêu cầu phải trả số tiền 270.000.000 đồng, thì bà không đồng ý, vì bà đã trả đủ số tiền trên cho bà X.

[4]. Những chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- Bà Nguyễn Thị X cung cấp cho Tòa án những chứng cứ sau: 01 giấy mượn tiền ngày 20/4/2017 (bản gốc); 01 giấy mượn tiền ngày 24/4/2017 (bản gốc) và 01 giấy mượn tiền ngày 05/6/2017 (bản gốc).

- Bà Võ Thị Thu S cung cấp những chứng cứ gồm: 01 Đơn xin kháng kiện ngày 09/11/2017 (bản gốc).

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bà Nguyễn Thị X và bà Võ Thị Thu S không thống nhất được những vấn đề liên quan trong vụ án.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tphát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị xem xét áp dụng: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và các điều 146, 147, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468 BLDS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X.

- Buộc bà Võ Thị Thu S phải trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền: 270.000.000 đồng.

- Về án phí: Bà Võ Thị Thu S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định; Trả lại cho bà Nguyễn Thị X tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị X khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị Thu S phải có trách nhiệm trả số tiền 270.000.000đ đã vay vào các ngày 20/4/2017, ngày 24/4/2017, ngày 05/6/2017. Bà Võ Thị Thu S không chấp nhận yêu cầu này. Ngoài ra, các đương sự trong vụ án không còn yêu cầu gì khác. Cho nên, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và Điều 463 BLDS năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X:

Tại phiên tòa hôm nay, bà X vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bà S phải trả số tiền nợ là 270.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà S thừa nhận có vay của bà X 270.000.000 đồng vào các ngày như bà X trình bày nhưng bà S không đồng ý với yêu cầu này của bà X vì bà S đã trả đủ số tiền 270.000.000 đồng cho bà X. Tuy nhiên, bà S không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh cho lời

khai của mình. Tại phiên tòa hôm nay, bà X phủ nhận tòa bộ lời trình bày của bà S và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà S phải trả cho bà 270.000.000 đồng.

Thấy rằng, bà S đã thừa nhận khi vay có viết giấy thể hiện nợ cho bà X và những giấy vay (mượn) tiền mà bà X cung cấp đúng là chữ viết, chữ ký của bà S nhưng vì tin tưởng nên bà S không lấy lại những giấy nợ này. Vì vậy, việc bà S cho rằng bà đã trả 270.000.000 đồng cho bà X là không có căn cứ để chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu khởi kiện của bà X buộc bà S phải trả số tiền 270.000.000 đồng là có căn cứ.

Nghĩ nên, chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị X. Theo đó, cần buộc bà Võ Thị Thu S phải trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền 270.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 BLDS năm 2015.

[3] Về yêu cầu tính lãi suất trong hợp đồng vay giữa bà Nguyễn Thị X và bà Võ Thị Thu S:

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị X trình bày, bà không yêu cầu về tiền lãi phát sinh tình từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến.

Như vậy, số tiền gốc bà Võ Thị Thu S còn nợ bà Nguyễn Thị X là 270.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Cần buộc bà Võ Thị Thu S phải trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền nợ là 270.000.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi triệu đồng*) là phù hợp với quy định tại Điều 466 BLDS năm 2015.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu của bà X được chấp nhận, nên bà Võ Thị Thu S phải chịu trách nhiệm nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 147 BLTTDS năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử xem xét, ghi nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, 203, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463, 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X đối với bà Võ Thị Thu S về việc "*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*".

- Buộc bà Võ Thị Thu S phải trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền là 270.000.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Võ Thị Thu S phải nộp 13.500.000 đồng (*Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng)*, tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung Công quỹ Nhà nước.

- Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị X số tiền là: 6.750.000 đồng (*Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0012202 ngày 19/10/2017, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (*10/01/2018*) để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- CC. THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Hiệp